

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
công trình: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn
hồ chứa nước Hố Cái, huyện Núi Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Hố Cái, huyện Núi Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 16/TTr-STC ngày 12/01/2022 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 28/BC-STC ngày 06/01/2022 của Sở Tài chính và kết quả phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 5464/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện Núi Thành).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Hố Cái, huyện Núi Thành.
2. Địa điểm: huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Núi Thành.
4. Thời gian khởi công: 28/3/2014; hoàn thành: 22/4/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 22.620.780.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước.

c) Vốn đầu tư đã thực hiện:

- Vốn đầu tư đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2018: 14.833.976.000 đồng,
gồm:

+ Ngân sách Trung ương: 12.000.000.000 đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 2.629.000.000 đồng.

+ Ngân sách huyện: 204.976.000 đồng.

- Kế hoạch vốn năm 2019 đến nay: không bố trí.

2. Chi phí đầu tư:

Mục chi phí	Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng số	18.857.473.000	16.000.687.806

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Tài sản do UBND huyện Núi Thành quản lý sử dụng (đồng)
Tổng cộng	16.000.687.806
1. Tài sản dài hạn (cố định)	16.000.687.806
2. Tài sản ngắn hạn	0

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư (UBND huyện Núi Thành):

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Hồ Cái, huyện Núi Thành, số tiền: 16.000.687.806 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Tổng nợ phải thu: 12.621.994 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 1.179.333.800 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục đính kèm)

b) Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước, số tiền: 12.621.994 đồng; đồng thời, làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để thanh toán công nợ dự án, số tiền: 1.179.333.800 đồng.

2. UBND huyện Núi Thành là đơn vị quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư phải ghi tăng bổ sung giá trị tài sản; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

TT	Tên tài sản	Quy mô/Công suất	Giá trị bổ sung tài sản (đồng)
1	Hồ chứa nước Hồ Cái	- Sửa chữa, nâng cấp đập đất dài 187m. Giữ nguyên mặt cắt hiện trạng đập cũ, nâng đỉnh đập tới cao trình +14,8m bằng cách đắp đất về hạ lưu. - Sửa chữa, nâng cấp tràn xả lũ để đảm bảo thoát lũ theo tần suất yêu cầu với $Q_{x\bar{a}}=57,42m^3/s$ - Xây mới cửa vào cống, tháp cống và kéo dài cống về hạ lưu. Tiết diện cống $B \times H=(0,8 \times 1)m$, lưu lượng thiết kế $Q_{tk}=0,26m^3/s$.	16.000.687.806
	Tổng cộng		16.322.856.087

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Núi Thành và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang



Phụ lục
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ

công trình: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Hồ Cái, huyện Núi Thành
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Mục chi phí	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
Tổng cộng			16.000.687.806	14.833.976.000	1.179.333.800	12.621.994
1	Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi và Thủy điện Quảng Nam	Chi phí xây dựng	13.602.606.000	12.676.367.200	926.238.800	
2	Ban quản lý dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Cái	Chi phí quản lý dự án	238.375.000	238.375.000	0	
3	Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng S.O.L.I.D	Chi phí khảo sát, lập dự án và Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC - dự toán	1.097.657.000	1.070.703.000	26.954.000	
4	Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng Quảng Nam	Chi phí thẩm tra thiết kế - dự toán BVTC	39.159.000	39.159.000	0	
5	Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ xây dựng Đại Lộc	Chi phí giám sát xây lắp	249.917.000	238.541.000	11.376.000	
6	Công ty cổ phần Phú Khang	Chi phí lựa chọn nhà thầu xây lắp	36.976.000	33.278.000	3.698.000	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	3.845.500	3.845.500	0	

8	Công ty Bảo hiểm PVI Quảng Nam	Chi phí bảo hiểm công trình	139.832.600	139.832.600	0	
9	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long	Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán	178.150.000		178.150.000	
10	UBND xã Tam Mỹ Đông	Chi phí BT, GPMB	381.252.706	393.874.700		12.621.994
11	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	32.917.000		32.917.000	